

Số: ~~128~~ /BVĐHYD-CS2.KD

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ~~06~~ tháng ~~08~~ năm 2025

V/v mời chào giá

Kính gửi: Quý nhà cung cấp

Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh – Cơ sở 2 kính mời các đơn vị có đủ năng lực kinh nghiệm cung cấp vật tư y tế tại nhà thuốc cơ sở 2 năm 2025 theo yêu cầu dưới đây vui lòng gửi hồ sơ chào giá cho Bệnh viện theo nội dung cụ thể như sau:

1. Tên dự án: Cung cấp vật tư y tế tại Nhà thuốc cơ sở 2 năm 2025 (lần 1);
2. Phạm vi cung cấp: chi tiết theo phụ lục đính kèm;
3. Thời gian cung cấp hàng hóa: 18 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực;
4. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định;
5. Địa điểm thực hiện: Cơ sở 2: 201 Nguyễn Chí Thanh, Phường Chợ Lớn, Thành phố Hồ Chí Minh;
6. Hiệu lực của hồ sơ chào giá: tối thiểu 06 tháng;
7. Yêu cầu về chào giá: giá chào đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí theo luật định, chi phí vận chuyển, giao hàng và các yêu cầu khác của Bệnh viện;
8. Thời gian nhận hồ sơ chào giá: **trước 16 giờ 30, ngày 22/8/2025;**
9. Quy định về tiếp nhận hồ sơ chào giá:
 - Gửi báo giá online qua mail: nhathuocbvdyhdc2@umc.edu.vn;
 - Gửi bản giấy có ký tên, đóng dấu về địa chỉ sau đây: Văn phòng khoa Dược, Tầng trệt, Bệnh viện Đại học Y Dược TP HCM – Cơ sở 2, 201 Nguyễn Chí Thanh, phường Chợ Lớn, Thành phố Hồ Chí Minh;
 - Người liên hệ: DS. Phạm Nhị Hà Linh, DS CK1. Nguyễn Quang Trường
 - Số điện thoại: 028.6261.0328
10. Yêu cầu khác: Hồ sơ chào giá của nhà cung cấp bao gồm các tài liệu sau:
 - Thư chào giá, bảng chào giá của nhà cung cấp (có ký tên của người đại diện theo pháp luật và đóng dấu), mẫu chào giá theo file đính kèm;
 - Hồ sơ pháp lý, hồ sơ năng lực của nhà cung cấp (có thể hiện phạm vi kinh doanh);



- Hồ sơ kỹ thuật của sản phẩm chào giá, Tài liệu lưu hành, Bản phân loại trang thiết bị y tế (A, B, C, D);
- Quyết định trúng thầu tại các cơ sở y tế còn hiệu lực đến tháng 10/2025 của mặt hàng chào giá.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (để báo cáo);
- Đơn vị Quản lý đấu thầu;
- Lưu: VT, CS2.KD (B16-016-2 - pnhlh) (1).

TUQ. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG CƠ SỞ 2



HÀ MẠNH TUẤN

DANH MỤC YÊU CẦU

Đính kèm Công văn số...../BVĐHYD-CS2.KD ngày ... tháng ... năm ... 2025

STT	Tên phần (lô)	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
1	Bộ dụng cụ rửa mũi đẳng trương	Bộ dụng cụ rửa mũi dành cho phụ nữ có thai hoặc cho con bú, bao gồm gói bột pha và dụng cụ sẵn để pha Thành phần: Natri clorid (tương đương 0,9%), Natri bicarbonat + bình dụng cụ rửa mũi dung tích 240ml $\pm$ 20ml	Bộ	
2	Bột pha dung dịch rửa mũi đẳng trương	Công dụng: Dùng để rửa vệ sinh mũi giúp hỗ trợ: Giảm dị ứng mũi và khô mũi, Hỗ trợ điều trị viêm xoang, viêm mũi xoang tái phát hoặc cho con bú, viêm mũi dị ứng Thành phần: Natri clorid (tương đương 0,9%), Natri bicarbonat	Bộ	
3	Đầu kim tiêm cho bút tiêm tiểu đường	Đầu kim tiêm cho bút tiêm tiểu đường Kích cỡ: 4mm x 32G Kim vát 5 mặt, đốc kim trần viên	Cái	
4	Dung dịch rửa mũi đẳng trương thể tích trung bình	Công dụng: Xịt rửa mũi đẳng trương Thành phần: Natri clorid (NaCl 0,9%), Natri bicarbonat Dung tích: $\geq$ 100ml Dạng bào chế: Dung dịch	Chai/Lọ	
5	Dung dịch rửa mũi ưu trương thể tích nhỏ	Dung dịch rửa mũi ưu trương thể tích nhỏ Thành phần: Nước biển sâu ưu trương (Từ 2,3 - 2,4% NaCl) + các yếu tố vi lượng Cu^{2+} , Zn^{2+} Dung tích: 75ml - 100 ml Dạng bào chế: Dung dịch	Chai	
6	Dung dịch rửa mũi ưu trương thể tích trung bình	Công dụng: Xịt rửa mũi ưu trương Thành phần: Natri clorid (NaCl 2,3%), Natri bicarbonat Dung tích: 100ml - 150ml Dạng bào chế: Dung dịch	Chai/Lọ	
7	Dung dịch rửa vết thương dung tích lớn	Công dụng: rửa vết thương Thành phần: HClO, H ₂ O, NaCl, O ₃ , HO ₂ , OH, ClO ₂ Dung tích: $\geq$ 190ml Dạng bào chế: Dung dịch	Chai/Lọ	
8	Dung dịch rửa vết thương dung tích nhỏ	Thành phần: HClO, H ₂ O, NaCl, O ₃ , HO ₂ , OH, ClO ₂ Dung tích: 100ml - 150ml Dạng bào chế: Dung dịch	Chai/Lọ	
9	Dung dịch súc miệng - họng có chứa bạc	Công dụng: súc miệng - họng, hỗ trợ ngăn ngừa viêm, nhiễm tại họng/miệng Thành phần: Natri bicarbonat, Natri borat, Natri benzoat, nano bạc, polyethylen glycol 40 hydrogenate Dung tích: $\geq$ 300ml dạng bào chế: dung dịch	Chai/Lọ	

STT	Tên sản phẩm (lô)	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
10	Dung dịch súc miệng - họng không chứa cồn	Thành phần: H ₂ O, NaCl, HClO, O ₃ , HO ₂ , OH, ClO ₂ ..., Menthol, Polyethylene Glycol 40 Hydrogenated Dung tích: ≥250ml Dạng bào chế: Dung dịch	Chai/Lọ	
11	Dung dịch xịt mũi	Dung dịch xịt mũi Thành phần: Nước biển 15,91ml Dung tích: ≥ 50ml Dạng bào chế: Dung dịch	Chai	
12	Dung dịch xịt mũi cho người lớn	Dung dịch xịt mũi cho người lớn Thành phần: Nước biển sâu Dung tích: ≥ 75ml Dạng bào chế: Dung dịch	Lọ	
13	Dung dịch xịt mũi cho trẻ trên 3 tháng tuổi	Dung dịch xịt mũi cho trẻ em trên 3 tháng tuổi Thành phần: Nước biển sâu Dung tích: ≥ 75ml Dạng bào chế: Dung dịch	Lọ	
14	Dung dịch xịt mũi cho trẻ từ 0 - 3 tuổi	Dung dịch xịt mũi cho trẻ từ 0 - 3 tuổi Thành phần: Nước biển ≥ 15,91ml Dung tích: ≥ 50ml Dạng bào chế: Dung dịch	Chai	
15	Dung dịch xịt mũi có các nguyên tố vi lượng	Dung dịch xịt mũi có chứa các nguyên tố vi lượng Thành phần: Nước biển ưu trương 37,5ml (lượng muối ~ 23g/l) + Muối đồng pentahydrat + Muối mangan monohydrat Dung tích: ≥ 50ml Dạng bào chế: Dung dịch	Chai	
16	Dung dịch xịt mũi có muối sulphur	Dung dịch xịt mũi có chứa muối sulphur Thành phần: Nước biển 15,91ml + muối sulphur Dung tích: ≥ 50ml Dạng bào chế: Dung dịch	Chai	
17	Dung dịch xịt mũi có tinh dầu	Dung dịch xịt mũi có tinh dầu Thành phần: Nước biển sâu + tinh dầu bạc hà + tinh dầu khuynh diệp Dung tích: ≥ 75ml Dạng bào chế: Dung dịch	Chai	
18	Dung dịch xịt tai	Dung dịch xịt tai hỗ trợ điều trị viêm tai Thành phần: NaCl, HClO, O ₃ , HO ₂ , ClO ₂ , PEG-40 (Polyethylene glycol 40) Dung tích: ≥250ml Dạng bào chế: Dung dịch	Chai	
19	Sản phẩm che phủ bảo vệ vết thương hở (dung tích nhỏ)	Công dụng: hỗ trợ điều trị vết thương hở Thành phần: Copolymer of 2 - hydroxyethylmethacrylate ≥ 10% Khối lượng: ≥ 5g Dạng bào chế: Kem/Gel/Mỡ	Tuýp	
20	Sản phẩm che phủ bảo vệ vết thương hở dung tích lớn	Công dụng: hỗ trợ điều trị vết thương hở Thành phần: Copolymer of 2 - hydroxyethylmethacrylate ≥ 10% Khối lượng: ≥ 15g Dạng bào chế: Kem/Gel/Mỡ	Tuýp	

STT	Tên phần (lô)	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
21	Sản phẩm hỗ trợ làm lành vết thương	Công dụng: hỗ trợ làm lành vết thương Thành phần: Kẽm Hyaludronat Khối lượng: $\geq 15g$ Dạng bào chế: Kem/Gel/Mỡ	Tuýp	
22	Sản phẩm hỗ trợ trị sẹo dung tích lớn	Công dụng: hỗ trợ điều trị sẹo Thành phần: Cyclic, Polymeric siloxanes, vitamin C ester Khối lượng: $\geq 15g$ Dạng bào chế: Kem/Gel/Mỡ	Tuýp	
23	Sản phẩm làm đầy, bôi trơn khớp	Công dụng: làm đầy, bôi trơn khớp Thành phần: Cross-linked hyaluronic acid 75mg/3g Dạng bào chế: Gel/nhũ tương	Ống	
24	Sản phẩm làm đầy, bôi trơn khớp 80/160	Công dụng: Cải thiện khả năng cử động của khớp bị thoái hóa do bệnh viêm khớp gây ra, hỗ trợ điều trị các chấn thương vùng hoạt dịch xung quanh khớp Thành phần: Hyaluronic acid 80mg (hoặc Natri hyaluronat) + Sorbitol 160mg Thể tích đóng gói: 4ml Dạng bào chế: gel/nhũ tương	Ống	
25	Sản phẩm làm đầy, bôi trơn khớp cho người bệnh thoái hóa mức độ nhẹ và trung bình	Công dụng: làm đầy, bôi trơn khớp Thành phần: Natri Hyaludronat 75mg/3ml Trọng lượng phân tử trung bình ≥ 3 triệu Dalton Dạng bào chế: Gel/nhũ tương	Ống	
26	Vớ đùi y khoa trị suy, giãn tĩnh mạch	Vớ đùi y khoa trị suy, giãn tĩnh mạch Áp lực: 20 - 30mmHg Chất liệu: Nylon, spandex, silicone Hở ngón Vớ đùi Các size S,M,L,XL	Đôi	
27	Vớ gối y khoa trị suy, giãn tĩnh mạch áp lực thấp	Vớ gối y khoa trị suy, giãn tĩnh mạch Áp lực: nằm trong khoảng 15 - 21mmHg Vớ gối, Các size S,M,L,XL Chất liệu: Nylon Polyamide, Lycra Elastane	Đôi	
28	Vớ gối y khoa trị suy, giãn tĩnh mạch áp lực trung bình	Vớ gối y khoa trị suy, giãn tĩnh mạch Áp lực: 20 - 30mmHg Chất liệu: Nylon, spandex, silicone Hở ngón Vớ gối Các size S,M,L,XL	Đôi	